

Bản tin chứng khoán

Trong số này

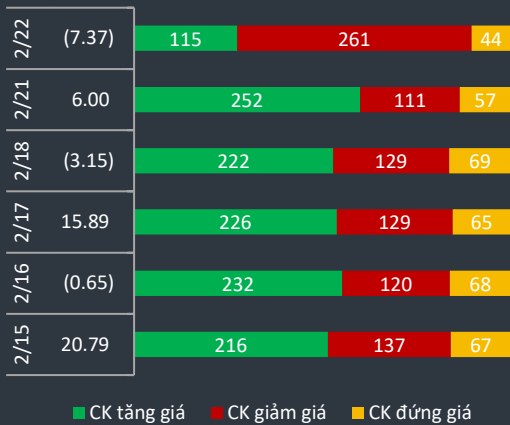
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

DXG		67.55
VHM		54.27
GMD		52.32
HPG		49.48
KDH		26.85
GEX		16.17
STB		15.32
SSI	(17.67)	
VCB	(22.68)	
DGC	(24.63)	
FRT	(31.57)	
NVL	(34.20)	
PLX	(60.28)	

Tình hình chính trị thế giới trong vài ngày nay diễn biến căng thẳng và khó lường hơn đã tác động trực tiếp lên tâm lý nhà đầu tư phiên giao dịch hôm nay. Chỉ số Vnindex mở đầu phiên đã đảo lữa gần 10 điểm và áp lực bán gia tăng phủ rộng lên toàn sàn giao dịch.

Cổ phiếu bất động sản là nhóm ngành bị đề bán nhiều nhất với hàng loạt cổ phiếu rơi sàn như CEO, DRH, DIG, LDG. Lệnh mua đối ứng cũng tham gia bắt đáy khá nhiệt tình nhưng cuối cùng vẫn không thể trụ nổi trước áp lực bán quá lớn. SCR, HQC, QCG, ITA, thoát sàn nhưng mức rơi cũng trên -4%.

Nhóm ngành chứng khoán cũng rơi theo đà thị trường với gần như hầu hết các mã đều mất điểm trong ngày. Cổ phiếu chứng khoán lớn như VCI, SSI, VND, HCM giảm có phần nhẹ nhàng hơn quanh -2% so với các mã nhỏ hơn. Các cổ phiếu ngành thép, phân đạm, xây dựng, thủy sản cũng đồng loạt điều chỉnh mà phần lớn là nhà đầu tư gia tăng chốt lãi ngắn hạn để tránh rủi ro.

Chỉ số Vnindex cuối phiên cho thấy sự hồi phục khá nhanh từ mức rơi hơn 20 điểm chỉ còn khoảng 7 điểm. Độ rộng thị trường cuối phiên có đến 319 mã giảm nhưng vẫn còn đến 147 mã tăng cho thấy dòng tiền vẫn khá mạnh và sẵn sàng bắt đáy. Dù thị trường khá ảm đạm nhưng vẫn có hai nhóm ngành đi ngược đó là ngân hàng và bán lẻ.

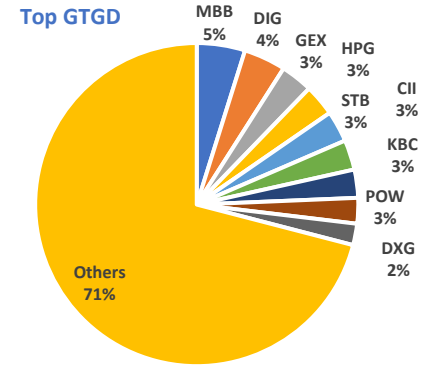
Cổ phiếu ngân hàng cuối phiên có khá nhiều cổ phiếu đảo chiều mạnh như MBB, BID, STB, TPB, ACB góp phần làm dịu chỉ số index. Dù sự phân hóa trong nhóm ngân hàng vẫn lớn nhưng phía tăng điểm có phần nổi trội hơn.

Điểm nhấn hôm nay đến từ nhóm cổ phiếu bán lẻ mà FRT là đóng vai trò quan trọng nhất khi mã này cuối phiên kéo trần thành công lên đỉnh mới 116. MWG đi ngang thời gian khá lâu hôm nay cũng chuyển động tăng gần 3%. PET cũng tăng trần dư mua cuối phiên lên trên 48. Duy nhất DGW lại quay đầu giảm nhẹ.

Nhóm dầu khí cũng nổi sóng với hàng loạt cổ phiếu tăng trung bình trên 3% như PVG, PCG, PVS, PLX, OIL, PVD... Giá dầu trong ngắn hạn dự báo còn tiếp tục tăng mạnh

Vnindex 1,504.84

▼ -3.15 (-0.21%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
MBB	34.4	1,750	5.36
PLX	62.0	2,100	3.51
PNJ	110.0	3,500	3.29
MWG	137.7	3,800	2.84
BID	46.0	750	1.66
STB	33.7	500	1.51
TPB	41.5	600	1.47
VRE	34.5	400	1.17
ACB	34.7	300	0.87
GAS	116.5	700	0.60
CTG	34.6	200	0.58
HDB	29.6	(50)	(0.17)
TCB	51.4	(100)	(0.19)
VIB	46.5	(100)	(0.21)
NVL	78.1	(400)	(0.51)
HPG	46.4	(250)	(0.54)
FPT	92.9	(600)	(0.64)
VCB	86.8	(600)	(0.69)
SAB	168.4	(1,200)	(0.71)
BCM	81.7	(700)	(0.85)
DHG	114.0	(1,000)	(0.87)
VHM	79.3	(700)	(0.88)
VPB	35.6	(350)	(0.97)
GVR	34.3	(350)	(1.01)
REE	71.6	(800)	(1.10)
VNM	80.0	(1,000)	(1.23)
PDR	89.8	(1,400)	(1.54)
BVH	56.3	(900)	(1.57)
MSN	157.5	(2,800)	(1.75)
VIC	82.0	(1,600)	(1.91)
SSI	45.0	(1,000)	(2.17)
VJC	142.8	(3,200)	(2.19)
HVN	26.1	(700)	(2.61)
POW	17.8	(600)	(3.26)

Theo tình hình hiện tại, giá dầu khả năng có thể vượt 100 USD/thùng khi Nga dọa cắt nguồn cung sang Châu Âu. Các nhà phân tích cho biết nếu một cuộc chiến ở Ukraine thực sự diễn ra, giá dầu Brent kỳ hạn có thể tăng vọt trên ngưỡng 100 USD/thùng ngay cả khi đàm phán thỏa thuận hạt nhân với Iran thành công.

Chỉ số Vnindex vẫn trụ vững trên mốc 1500 hôm nay dù cú rung lắc hôm nay khá mạnh. Cú đập sàn hàng loạt cổ phiếu bất động sản khá bất ngờ nhưng lực cầu hôm nay cũng khá mạnh. Nhiều khả năng đà giảm của nhóm bất động sản sẽ dịu bớt trong 1,2 phiên tới và có thể đảo chiều. Nhà đầu tư vẫn ưu tiên giữ danh mục ở trạng thái an toàn. Các trạng thái mua có thể tiến hành nếu thị trường tiếp tục điều chỉnh mạnh trong phiên sắp tới.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCM	67.0	(2.9)	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	0.0%
KBC	56.8	(1.6)	50	70	Mua mới quanh 54-56. Mục tiêu 70	2/10/2022	1.4%
HPG	46.4	0.9	40	60	Mua mới quanh 45	2/8/2022	3.1%
FTS	56.3	6.6	50	60	Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70	2/7/2022	8.3%
TNG	32.2	3.9	24	40	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 36	2/7/2022	11.0%
DPM	47.4	1.7	35	55	Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 50	2/7/2022	12.9%
VCI	61.0	5.2	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	5.2%
GVR	34.3	2.7	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	7.2%
REE	71.6	4.8	60	80	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	10.2%
NLG	54.0	0.2	24	35	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	1.9%
OCB	27.6	1.3	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	2.6%
TCB	51.4	(0.8)	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	2.8%
CTG	34.6	(1.0)	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	-1.1%
STK	55.8	5.3	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	5.3%
VIB	46.5	0.6	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	-1.1%
MBB	34.4	5.2	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	18.6%
DBC	79.4	7.3	70	90	Bán	1/6/2022	7.3%
MWG	137.7	3.3	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	2.0%

Tổng hợp kết quả kinh doanh 2021

	Số DN	Doanh thu 2020	Doanh thu 2021	%	Lợi nhuận 2020	Lợi nhuận 2021	%
Ngân hàng	26	278,567	347,222	24.6%	108,714	144,922	33.3%
Bất động sản	68	271,992	316,605	16.4%	49,219	54,326	10.4%
Sản xuất và KD Thép	26	239,810	365,704	52.5%	16,216	44,292	173.1%
Thực phẩm và đồ uống	70	306,480	332,060	8.3%	27,858	36,835	32.2%
Dầu khí	21	356,183	466,904	31.1%	7,258	20,104	177.0%
Dịch vụ tài chính	40	27,705	49,251	77.8%	6,935	18,146	161.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	87,120	96,633	10.9%	10,541	12,421	17.8%
Điện	40	122,826	110,322	-10.2%	12,113	11,965	-1.2%
Vận tải - Logistics	71	96,353	114,276	18.6%	6,115	10,663	74.4%
Bất động sản KCN	20	49,158	57,393	16.8%	9,717	9,982	2.7%
Xây dựng	107	163,622	172,977	5.7%	8,181	7,834	-4.2%
Bán lẻ	23	181,192	218,181	20.4%	4,598	7,610	65.5%
Phân bón	13	35,954	54,378	51.2%	30	5,755	19163.2%
Vật liệu xây dựng	41	54,972	61,527	11.9%	4,879	5,447	11.6%
Công nghệ Thông tin	19	40,575	46,168	13.8%	3,829	4,770	24.6%
Bảo hiểm	12	28,113	65,753	133.9%	3,746	4,724	26.1%
Hóa chất	24	48,335	69,236	43.2%	2,555	4,538	77.6%
Thủy sản	23	61,258	59,704	-2.5%	2,718	3,212	18.2%
Nước	46	21,813	22,068	1.2%	2,657	3,182	19.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	46,960	49,526	5.5%	2,817	3,006	6.7%
Dệt May	21	54,633	59,726	9.3%	1,886	2,980	58.0%
Y tế	34	52,586	46,379	-11.8%	2,675	2,786	4.1%
Khoáng sản	27	61,097	70,140	14.8%	1,116	2,106	88.7%
Tài nguyên Cơ bản	20	22,600	27,423	21.3%	264	1,432	441.5%
Cao su	11	4,515	5,661	25.4%	700	1,250	78.6%
Xây dựng và Vật liệu	54	31,919	29,112	-8.8%	144	1,168	711.6%
Ô tô và phụ tùng	11	41,225	39,233	-4.8%	1,011	1,026	1.6%
Truyền thông	27	7,744	7,983	3.1%	655	915	39.7%
Bao bì	17	20,917	28,091	34.3%	664	546	-17.8%
Viễn thông	5	34,144	33,946	-0.6%	1,937	436	-77.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	6	16,234	16,867	3.9%	(29)	230	-906.1%
Du lịch và Giải trí	28	17,337	14,552	-16.1%	22	(526)	-2494.6%
Tổng Cộng	1047	2,883,939	3,455,002	19.8%	301,739	428,084	41.9%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Dầu khí	2.79
Bán lẻ	1.64
Phân bón	1.20
Du lịch và Giải trí	0.68
Hóa chất	0.62
Y tế	0.61
Ngân hàng	0.49
Ô tô và phụ tùng	0.33
Bao bì	0.31
Truyền thông	0.30
Viễn thông	0.17
Nước	0.14
Hàng & Dịch vụ...	0.14
Vận tải - Logistics	(0.14)
Vật liệu xây dựng	(0.21)
Công nghệ Thông tin	(0.29)
Thực phẩm và đồ...	(0.41)
Bảo hiểm	(0.53)
Tài nguyên Cơ bản	(0.60)
Đệt May	(0.63)
Khoáng sản	(0.68)
Cao su	(0.75)
Bất động sản KCN	(0.83)
Điện	(0.84)
Thủy sản	(0.98)
Hàng cá nhân & Gia...	(1.01)
Sản xuất và KD Thép	(1.05)
Xây dựng	(1.30)
Dịch vụ tài chính	(1.88)
Bất động sản	(2.17)

PVD - Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí – Đã thông qua phương án phát hành hơn 84,22 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 và 2020 theo tỷ lệ 20% (cổ đông sở hữu 10 được nhận 2 cổ phiếu mới). Thời gian thực hiện dự kiến trước ngày 30/6/2022.

BCG - CTCP Bamboo Capital – Đã thông qua việc triển khai phương án phát hành chào bán 60 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho một số nhà đầu tư, với giá 20.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý I, quý II/2022.

DGW - CTCP Thế giới số - Đã thông qua phương án phát hành 2,2 triệu cổ phiếu ESOP, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý I/2022.

VSF - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP - 9 năm liền ngập chìm trong thua lỗ đã nâng tổng lỗ lũy kế tính đến cuối năm 2021 Vinafood II cán mốc gần 2,654 tỷ đồng. Theo giải trình của Công ty, nguyên nhân là do ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 nên tình hình xuất khẩu gạo gặp nhiều khó khăn, chi phí phát sinh lớn nên lợi nhuận giảm mạnh.

PNJ - CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận – HĐQT đã thông qua phương án phát hành 15 triệu cổ phiếu riêng lẻ, với giá chào bán 95.000 đồng/cổ phiếu cho dưới 100 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Thời gian thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2022.

Riêng tháng 1/2022, ghi nhận doanh thu thuần đạt 3.476 tỷ đồng, tăng 60,2% và LNST đạt 270 tỷ đồng, tăng gần 61% so với cùng kỳ năm 2021.

FTS - CTCP Chứng khoán FPT - Năm 2022 Chứng khoán FPT ước tính cộng doanh thu hoạt động kinh doanh và doanh thu tài chính đã thực hiện đạt 1.090 tỷ đồng, giảm 3,7% so với doanh thu thực hiện năm 2021. Kế hoạch lợi nhuận trước thuế cũng giảm 6,3% về mức 680 tỷ đồng.

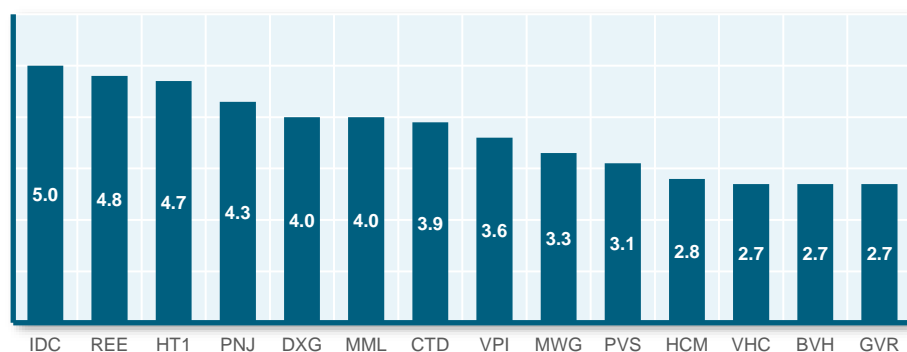
MWG - CTCP Đầu tư Thế giới Di động - Công bố tình hình kinh doanh, ghi nhận lập kỷ lục mới trong tháng 1/2022 với hơn 16.000 tỷ đồng tổng doanh thu và 2.300 tỷ đồng doanh thu online do mùa bán hàng cao điểm phục vụ Tết Nguyên Đán 2022 diễn ra trọn trong tháng đầu năm.

DBC - CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản đã thông qua việc phát hành hơn 115,2 triệu cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng), theo tỷ lệ 1:1.

NAG - CTCP Tập đoàn Nagakawa – Đã thông qua phương án phát hành chào bán hơn 16,68 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự

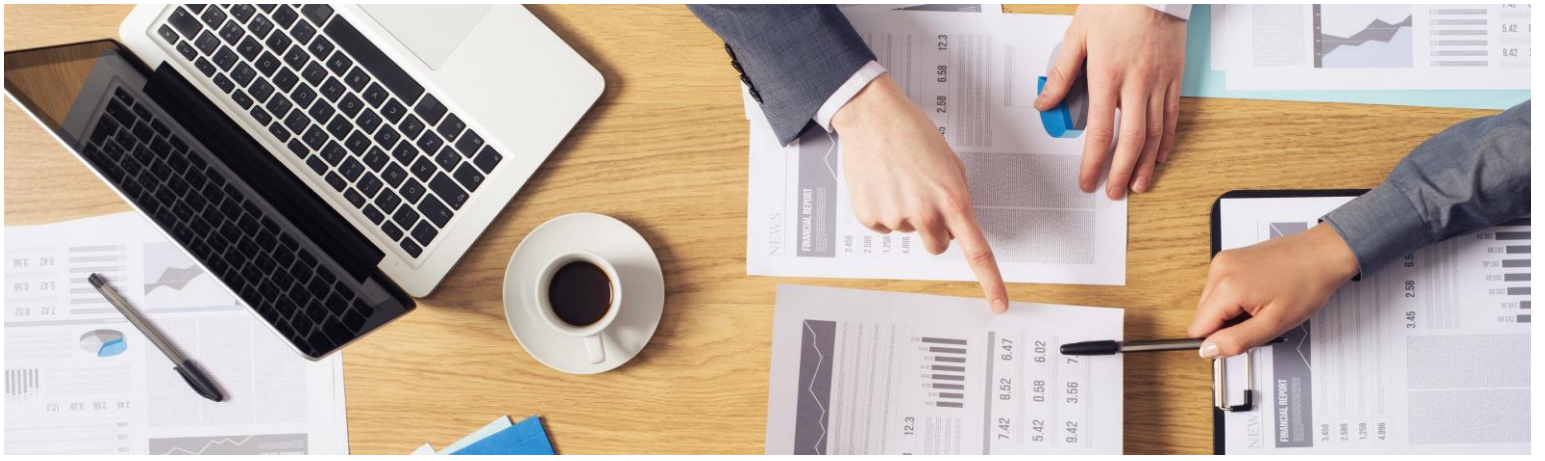


Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	HOSE	35.6	10,692,300	13.6	1.9	-	98,600	158,037	15.20	2,621	19,187
VIB	HOSE	46.5	1,809,200	11.3	3.0	17,200	15,100	72,221	20.48	4,127	15,640
VCB	HOSE	86.8	1,540,200	14.7	2.9	579,800	843,400	410,782	23.65	5,907	29,974
VBB	UPCOM	17.5	12,825	16.5	1.5	-	-	8,359	-	1,058	12,017
VAB	UPCOM	15.4	1,140,562	10.4	1.1	5,300	-	8,315	0.01	1,477	14,341
TPB	HOSE	41.5	8,309,400	13.6	2.5	41,900	112,500	65,643	29.70	3,054	16,430
TCB	HOSE	51.4	10,561,000	10.0	1.9	-	-	180,461	22.47	5,138	26,505
STB	HOSE	33.7	24,415,700	18.6	1.9	837,500	375,300	63,532	18.90	1,810	18,174
SSB	HOSE	36.0	1,514,200	20.4	2.9	-	700	53,226	0.02	1,763	12,623
SHB	HOSE	22.1	9,531,900	11.8	1.7	8,100	10,500	58,805	3.34	1,868	13,375
SGB	UPCOM	18.3	105,801	-	1.5	-	5,000	5,636	0.02	398	12,042
PGB	UPCOM	33.9	165,693	38.6	2.4	-	-	10,170	15.00	878	13,940
OCB	HOSE	27.6	2,376,200	8.6	1.7	-	-	37,809	22.00	3,216	15,917
NVB	HNX	31.7	67,301	-	3.0	-	100	12,896	8.33	3	10,397
NAB	UPCOM	20.5	215,853	-	-	1,000	-	10,526	0.03	-	-
MSB	HOSE	27.0	5,855,900	10.2	1.9	-	-	41,243	30.00	2,641	14,427
MBB	HOSE	34.4	37,458,400	10.2	2.1	-	30,300	129,974	23.24	3,361	16,538
LPB	HOSE	23.7	7,821,500	9.9	1.7	4,000	30,100	29,293	4.86	2,387	13,960
KLB	UPCOM	26.6	36,902	12.6	2.1	-	-	9,615	0.01	2,109	12,810
HDB	HOSE	29.6	4,648,000	9.8	1.9	70,300	208,600	59,461	16.86	3,016	15,339
EIB	HOSE	35.0	432,200	44.8	2.4	-	45,200	43,030	29.68	781	14,395
CTG	HOSE	34.6	9,003,800	11.8	1.8	303,600	125,600	166,279	26.00	2,932	19,488
BVB	UPCOM	20.9	4,497,151	30.8	1.7	20,000	-	7,672	0.10	678	12,638
BID	HOSE	46.0	2,290,300	22.0	2.7	15,500	49,300	232,692	13.40	2,090	17,073
BAB	HNX	22.3	55,968	23.1	1.9	-	14,900	16,795	-	964	12,018
ACB	HOSE	34.7	8,094,700	9.8	2.1	-	-	93,758	30.00	3,554	16,618
ABB	UPCOM	17.0	3,366,573	7.6	1.0	17,000	-	15,996	14.22	2,238	16,828
			156,019,529	16.29	2.04	1,921,200	1,965,200	2,002,225		2,310	15,873



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SGD	HNX	4/3/2022	7/3/2022	21/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	BDB	HNX	28/02/2022	1/3/2022	15/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VIX	HOSE	24/02/2022	25/02/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
4	KKC	HNX	23/02/2022	24/02/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100000:10819	Thưởng cổ phiếu
5	TDB	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	17/03/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	DNC	HNX	21/02/2022	22/02/2022	28/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	USD	UPCoM	21/02/2022	22/02/2022	7/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 880 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SMB	HOSE	18/02/2022	21/02/2022	2/3/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	EID	HNX	11/2/2022	14/02/2022	10/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CMG	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	BHN	HOSE	10/2/2022	11/2/2022	9/3/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,380 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	ABB	UPCoM	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Thưởng cổ phiếu
13	APH	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Thưởng cổ phiếu
14	NTH	HNX	9/2/2022	10/2/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DL1	HNX	9/2/2022	10/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	MRF	UPCoM	9/2/2022	10/2/2022	22/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	ITD	HOSE	8/2/2022	9/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	DPM	HOSE	27/01/2022	28/01/2022	16/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TRS	UPCoM	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	TNH	HOSE	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
23	DNH	UPCoM	25/01/2022	26/01/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	HGC	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022	11/2/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HCD	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:17	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	KST	HNX	21/01/2022	24/01/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1	Thưởng cổ phiếu
27	VCP	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000000:1136365	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	SAM	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:439	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931